

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

**Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023**



CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sao Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lưu Hoàng Tân	Chủ tịch
Ông Lê Minh Thuận	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Lâm	Thành viên
Bà Đặng Thị Ngọc Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Công	Cố vấn HĐQT

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Hữu Chí	Thành viên
Ông Nguyễn Dương Thảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Minh Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Thạnh	Phó Tổng Giám đốc

Ghi chú: Công ty đang tiến hành cơ cấu lại thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở hoạt động đặt tại số 163 Nguyễn Huệ, Khóm Mỹ Thượng, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

3. Các hoạt động chính

- May trang phục, may công nghiệp;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm: Giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng gia đình bằng kim loại;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất dệt vải;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng đan móc;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Mua bán phụ liệu ngành dệt;
- Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế ngành dệt may;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 22.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty.

6. Đơn vị kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

7. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này có được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Cao Lãnh, ngày 02 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



LÊ MINH THUẬN



Số: 2315/2023/BCKT/SVCN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG,
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sao Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) được lập ngày 02 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13, sổ kế toán của Công ty vẫn còn theo dõi khoản nợ phải trả đã được chấp nhận xóa nợ từ các năm trước của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp (trước đây là Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp) với số tiền 10.000.000.000 VND. Nếu Công ty tiến hành xử lý khoản nợ này thì chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 giảm đi số tiền là 10.000.000.000 VND và chỉ tiêu “Thu nhập khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ tăng lên với số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sao Mai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 04 tháng 03 năm 2024

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT



LÊ NHẬT LINH
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 3234-2021-107-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ LAN ANH
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 4291-2023-107-1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.486.278.636	24.577.670.975
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	12.125.702.721	14.582.444.747
1. Tiền	111		3.167.525.349	5.933.807.717
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.958.177.372	8.648.637.030
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.463.650.916	4.733.119.495
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	2.784.639.920	4.034.767.739
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		107.500.000	40.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	571.510.996	658.351.756
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.322.037.022	5.197.133.640
1. Hàng tồn kho	141	V.04	6.322.037.022	5.197.133.640
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		574.887.977	64.973.093
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	37.500.000	64.973.093
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.06	537.387.977	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.254.764.317	8.677.486.463
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.254.764.317	8.677.416.463
Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	7.254.764.317	8.677.416.463
Nguyên giá	222		46.638.197.861	47.076.443.812
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.383.433.544)	(38.399.027.349)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	70.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	70.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		29.741.042.953	33.255.157.438

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.967.215.328	19.684.028.455
I. Nợ ngắn hạn	310		19.967.215.328	19.684.028.455
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	919.006.391	292.865.608
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.09	646.419.653	216.291.077
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	79.661.940	436.033.078
4. Phải trả người lao động	314	V.11	5.397.936.739	3.477.759.214
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	76.590.400	2.675.216.992
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	10.402.912.975	10.203.786.523
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	2.444.687.230	2.382.075.963
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.773.827.625	13.571.128.983
I. Vốn chủ sở hữu	410		9.773.827.625	13.571.128.983
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	3.920.600.000	3.920.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.920.600.000	3.920.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	2.533.160.943	3.240.853.558
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.15	2.007.595.446	1.580.917.392
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	1.312.471.236	4.828.758.033
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	2.746.435.390
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.312.471.236	2.082.322.643
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		29.741.042.953	33.255.157.438

TP. Cao Lãnh, ngày 02 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu


LẠI THỊ MỸ LINH

Kế toán trưởng


LÊ VĂN LÂM

Tổng Giám đốc

LÊ MINH THUẬN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	59.688.368.561	68.480.364.849
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	59.688.368.561	68.480.364.849
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	51.788.207.019	57.092.778.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.900.161.542	11.387.586.277
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	913.645.956	2.402.869.982
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	80.889.911	287.266.254
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	1.963.759.467	2.107.200.774
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	5.517.736.125	6.853.832.509
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.251.421.995	4.542.156.722
11. Thu nhập khác	31	VI.07	737.107.401	17.000.001
12. Chi phí khác	32	VI.08	311.422.851	20.417.136
13. Lợi nhuận khác	40		425.684.550	(3.417.135)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.677.106.545	4.538.739.587
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	364.635.309	934.631.344
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.312.471.236	3.604.108.243
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.239	3.401

Người lập biểu

LAI THỊ MỸ LINH

Kế toán trưởng

LÊ VĂN LÂM

TP. Cao Lãnh, ngày 02 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



LÊ MINH THUẬN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.677.106.545	4.538.739.587
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.06	1.210.645.795	1.386.789.413
- Lãi, lỗ chênh lệch TGHD do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.748.506	83.681.189
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.03	(86.910.199)	(1.906.839.819)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.804.590.647	4.102.370.370
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.421.563.058)	561.389.654
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.839.147.321)	7.382.877
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.934.955.290	37.760.513
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		27.473.093	(64.973.093)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.09	(747.367.883)	(415.593.118)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.434.305.622)	(1.681.749.656)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20		(675.364.854)	2.546.587.547
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	V.06	(97.346.500)	(262.641.180)
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		250.583	747.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		34.054.847	1.656.028.519
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT	30		(63.041.070)	2.140.387.339
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.715.647.810)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	40		(1.715.647.810)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.454.053.734)	4.686.974.886
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	14.582.444.747	9.982.187.933
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi NT	61		(2.688.292)	(86.718.072)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	12.125.702.721	14.582.444.747

TP. Cao Lãnh, ngày 02 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

LẠI THỊ MỸ LINH

Kế toán trưởng

LÊ VĂN LÂM

Tổng Giám đốc



LÊ MINH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sao Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xí nghiệp Liên hiệp may trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Tháp được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 04/GP/UB ngày 05 tháng 01 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 059372 ngày 11 tháng 01 năm 1993 do Trọng tài kinh tế Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã mười hai (12) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận thay đổi lần 12 số 1400101043 vào ngày 17 tháng 04 năm 2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 3.920.600.000 VND

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần: 392.060 cổ phần

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 163 Nguyễn Huệ, Khóm Mỹ Thượng, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Điện thoại : (84 - 277) 3 851 452

Fax : (84 - 277) 3 851 482

Mã số thuế : 1 4 0 0 1 0 1 0 4 3

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Sao Mai - Xưởng may Sa Đéc	Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Xã Tân Phú Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Công ty cổ phần Sao Mai - Xưởng may Tháp Mười	Ấp 5, Xã Mỹ Đông, Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp

Các đơn vị trực thuộc của Công ty hạch toán phụ thuộc.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.**3. Ngành nghề kinh doanh**

- May trang phục, may công nghiệp;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm: Giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng gia đình bằng kim loại;
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất dệt vải;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng đan móc;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;

- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Mua bán phụ liệu ngành dệt;
- Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế ngành dệt may;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

5. Người lao động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoảng 540 người lao động đang làm việc.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình: Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 - 12
Tài sản cố định khác	08 - 10

7. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng phải được thực hiện căn cứ vào các khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực hiện tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ tài chính của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ dài hạn.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần: Chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá;
- Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào (đối với tài sản) và tỷ giá bán ra (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ khi đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15. Các bên liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Đơn vị tính: VND****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	274.929.706	235.113.566
Tiền gửi ngân hàng	2.892.595.643	5.698.694.151
Các khoản tương đương tiền (*)	8.958.177.372	8.648.637.030
Cộng	12.125.702.721	14.582.444.747

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Dệt Gia dụng Phong Phú	239.241.974	385.858.958
Công ty TNHH KWong Lung _ MEKO	1.360.392.556	1.118.255.758
Công ty Cổ phần SX và TM Việt Mỹ Đồng Nai	390.101.651	209.596.957
Jao GMT Co.,Ltd	-	471.472.718
Jao Project Co.,Ltd	-	1.263.549.132
Công ty TNHH MTV May mặc Minh Giao (*)	-	564.447.976
Jan Ren Co., Ltd	780.848.180	1.498.240
Các khách hàng khác	14.055.559	20.088.000
Cộng	2.784.639.920	4.034.767.739

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- (*) Khoản nợ của Công ty TNHH MTV May mặc Minh Giao được Công ty lập hồ sơ khởi kiện. Trong kỳ Công ty đã tiến hành xử lý khoản chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc đấu giá tài sản kê biên là 13.200 chiếc áo sơ mi (theo Quyết định số 93/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Cục trưởng Cục thi hành án dân sự) với tổng tiền công nợ và chi phí phát sinh liên quan theo biên bản hợp xử lý công nợ ngày 29 tháng 09 năm 2023. Theo đó, khoản chênh lệch được Công ty xử lý bằng quỹ dự phòng tài chính trong khoản mục “Quỹ đầu tư phát triển” của Công ty.

3. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tạm ứng	308.665.827	269.519.599
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	256.717.168	351.332.157
Các đối tượng khác	6.128.001	37.500.000
Cộng	571.510.996	658.351.756

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	365.053.022	349.746.218
Công cụ, dụng cụ	13.422.000	22.471.530
Thành phẩm	5.943.562.000	4.824.915.892
Cộng	6.322.037.022	5.197.133.640

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí tiền thuê đất	-	1.202.998.632	(1.202.998.632)	-
Chi phí tiền thuê văn phòng	-	108.000.000	(108.000.000)	-
Công cụ, dụng cụ	64.973.093	265.907.127	(293.380.220)	37.500.000
Cộng	64.973.093	1.576.905.759	(1.604.378.852)	37.500.000

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.751.880	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	514.636.097	-
Cộng	537.387.977	-

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.980.726.934	23.967.762.814	2.104.081.988	43.632.000	1.980.240.076	47.076.443.812
Tăng trong năm	-	63.000.000	-	-	34.346.500	97.346.500
Mua sắm mới	-	63.000.000	-	-	34.346.500	97.346.500
Giảm trong năm	(361.154.269)	-	-	-	(174.438.182)	(535.592.451)
Giảm khác	(361.154.269)	-	-	-	(174.438.182)	(535.592.451)
Số cuối năm	18.619.572.665	24.030.762.814	2.104.081.988	43.632.000	1.840.148.394	46.638.197.861

Trong đó:

Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	8.406.395.144	18.563.240.982	1.771.354.715	43.632.000	980.444.674	29.765.067.515
---------------------------------	---------------	----------------	---------------	------------	-------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	13.614.087.067	21.103.618.950	2.048.627.423	43.632.000	1.589.061.909	38.399.027.349
Tăng trong năm	506.247.969	576.052.186	33.272.724	-	95.072.916	1.210.645.795
Khấu hao trong năm	506.247.969	576.052.186	33.272.724	-	95.072.916	1.210.645.795
Giảm trong năm	(153.557.000)	-	-	-	(72.682.600)	(226.239.600)
Giảm khác	(153.557.000)	-	-	-	(72.682.600)	(226.239.600)
Số cuối năm	13.966.778.036	21.679.671.136	2.081.900.147	43.632.000	1.611.452.225	39.383.433.544
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.366.639.867	2.864.143.864	55.454.565	-	391.178.167	8.677.416.463
Số cuối năm	4.652.794.629	2.351.091.678	22.181.841	-	228.696.169	7.254.764.317

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hữu Kim	73.316.124	56.427.446
Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ	59.530.680	163.042.373
Công ty TNHH May mặc Như Ý Sa Đéc	115.253.906	-
Công ty TNHH Linh kiện Ngành may Song Anh Phát	74.778.200	38.707.760
Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam	42.577.920	1.088.640
Hệ kinh doanh Quần áo Minh Anh	398.415.277	18.797.259
Công ty TNHH YKK Việt Nam	68.250.784	-
Nhà cung cấp khác	86.883.500	14.802.130
Cộng	919.006.391	292.865.608

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Jao Trading Co., Ltd	-	216.291.077
Jao GMT Co.,Ltd	475.376.283	-
Jao Project Co.,Ltd	171.043.370	-
Cộng	646.419.653	216.291.077

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	68.692.788	560.681.820	(551.984.553)	77.390.055
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	359.980.694	364.635.309	(747.367.883)	(22.751.880)
Thuế thu nhập cá nhân	7.359.596	85.317.399	(90.405.110)	2.271.885
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	3.357.748.325	(3.872.384.422)	(514.636.097)
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	436.033.078	4.373.382.853	(5.267.141.968)	(457.726.037)

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày trên chi tiêu "Thuế và các khoản phải thu Nhà nước" (Mã số 153).

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

+ Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng tiêu thụ nội địa	10%
- Hàng thủ công mỹ nghệ	5%
- Hàng xuất khẩu	0%

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh IV.14.

Dự tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (Xem Thuyết minh VI.09).

+ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

11. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và lương theo sản phẩm còn phải thanh toán cho người lao động.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	-	2.614.960.876
Chi phí phải trả khác	76.590.400	60.256.116
Cộng	76.590.400	2.675.216.992

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp (trước đây là Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp) (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức phải trả	298.715.281	109.200.001
Nhận ký cược, ký quỹ	12.000.000	12.000.000
Các khoản phải trả khác	92.197.694	82.586.522
Cộng	10.402.912.975	10.203.786.523

(*) Đây là số tiền đã được chấp nhận giảm 50% từ khoản nợ phải trả cho Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp 20.000.000.000 VND theo Công văn số 592/UBND-PPLT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 18 tháng 12 năm 2008 trên cơ sở để xin giảm nợ cho Công ty Cổ phần Sao Mai của Công ty Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp tại Công văn số 684/TT-Cty ngày 23 tháng 9 năm 2008 và ý kiến của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp tại Công văn số 1795/STC-TCĐN ngày 23 tháng 10 năm 2008.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.286.863.457	1.589.980.780	(2.416.445.622)	1.460.398.615
Quỹ phúc lợi	95.212.506	889.076.109	-	984.288.615
Cộng	2.382.075.963	2.479.056.889	(2.416.445.622)	2.444.687.230

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	3.920.600.000	3.240.853.558	1.580.917.392	4.828.758.033	13.571.128.983
Lãi trong năm	-	-	-	1.312.471.236	1.312.471.236
Trích lập quỹ trong năm	-	-	444.538.054	(2.923.594.943)	(2.479.056.889)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(1.905.163.090)	(1.905.163.090)
Chi khác	-	-	(17.860.000)	-	(17.860.000)
Giảm khác	-	(707.692.615)	-	-	(707.692.615)
Số dư cuối năm	3.920.600.000	2.533.160.943	2.007.595.446	1.312.471.236	9.773.827.625

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Chi tiết vốn góp như sau:

Tên cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Đồng Tháp	350.000	89,27	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	39.000	9,95	390.000.000
Công đoàn cơ sở Công ty Cổ phần Sao Mai	3.060	0,78	30.600.000
Cộng	392.060	100,00	3.920.600.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	392.060	392.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	392.060	392.060
- Cổ phiếu phổ thông	392.060	392.060
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	392.060	392.060
- Cổ phiếu phổ thông	392.060	392.060
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

10.000 VND/cổ phần

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Tài sản nhận giữ hộ***Vật tư hàng hóa gia công*

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu	Yard	430.154,65	734.428,39
Vải sômi + vải phôi	mét	-	1.369,00
Vải lót các loại	mét	678,90	10.467,00
Vải chính jk + phôi áo gió			

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Phụ liệu, Bao bì			
Chỉ 50000m	cuộn	-	5.824,00
Chỉ 5000m	cuộn	3.235,00	6.193,00
Dựng keo	Yard	84.164,20	111.261,00
Nút bóp	chiếc	6.837,00	-
Cúc 4 phần	chiếc	74.256,00	-
Dây luồn /dệt	Mét	49.066,00	54.235,00
Dây luồn /dệt	sợi	-	11.945,00
Thun viền + vải viền	mét	3.464,00	1.881,00
Thun to bằng	mét	6.604,50	-
Dây kéo các loại	sợi	34.807,00	67.759,00
Gắn đầu dây kéo	chiếc	514,00	18.292,00
Cúc nhựa	chiếc	984.098,00	1.682.233,00
Cúc chặn (sắt)	chiếc	24.756,00	22.509,00
Đệm khoen	chiếc	22.951,00	23.865,00
Khoen mắt cáo	bộ	8.572,00	32.880,00
Vải viền	mét	10.988,00	-
Gòn	kg	112,00	38,00
Giấy lụa	mét	136.352,00	-
Đạn nhựa (râu mèo)	chiếc	280.277,00	289.550,00
Bao PP/phối/mini	chiếc	299.065,00	339.275,00
Bo cổ	chiếc	432,00	-
Băng keo	cuộn	-	1.052,00
Mực in	hộp	-	24,00
Bìa lưng	chiếc	101.580,00	139.195,00
Giấy chống ẩm	tờ	-	143.255,00
Nhãn các loại	chiếc	862.662,00	1.597.366,00
Thẻ bài	chiếc	303.853,00	-
Thuốc chống ẩm	túi	71.753,00	15.779,00
Bướm cổ/ khoanh cổ	chiếc	114.192,00	137.999,00
Kim cúc	chiếc	645.147,00	867.179,00
Palem	chiếc	499.862,00	511.534,00
Thùng + hộp + lót thùng	chiếc	-	6.986,00
Xốp dính	mét	40.733,00	49.946,00
Xốp dính	chiếc	2.569,00	1.930,00
Kẹp nhựa + sắt	chiếc	305.223,00	529.163,00
Con giống	chiếc	1.096,00	-
Lông vũ	kg	66,00	-
Dây đan ghế	kg	30.316,58	42.209,00
Nhôm làm khung ghế	Cây	1.279,00	-

b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Quy đổi VND	Nguyên tệ	Quy đổi VND
Dollar Mỹ (USD)	105.323,72	2.536.195.178	204.447,34	4.786.112.230
Đồng EURO (EUR)	313,97	8.279.389	313,78	7.756.328

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	59.688.368.561	68.480.364.849
- Doanh thu gia công hàng may mặc	58.940.142.925	62.698.944.155
- Doanh thu gia công hàng thủ công mỹ nghệ	748.225.636	5.781.420.694
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	59.688.368.561	68.480.364.849

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn gia công hàng may mặc	51.121.848.834	52.500.202.382
Giá vốn gia công hàng thủ công mỹ nghệ	666.358.185	4.592.576.190
Cộng	51.788.207.019	57.092.778.572

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.665.495	3.166.502
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	396.082.467	282.923.035
Lãi bán cổ phần	180.583	1.628.460.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	512.717.411	488.320.445
Cộng	913.645.956	2.402.869.982

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	77.141.405	203.585.065
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	3.748.506	83.681.189
Cộng	80.889.911	287.266.254

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	5.627.250	9.109.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.833.916.959	1.951.974.808
Chi phí khác	124.215.258	146.116.626
Cộng	1.963.759.467	2.107.200.774

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.833.076.210	4.544.141.068
Chi phí nguyên vật liệu	-	19.749.341
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.628.593	100.436.168
Chi phí khấu hao TSCĐ	56.916.576	69.984.016
Thuế, phí và lệ phí	41.279.674	88.586.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	676.957.805	1.219.679.068
Chi phí khác	839.877.267	811.256.499
Cộng	5.517.736.125	6.853.832.509

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý phế liệu	734.107.401	-
Các khoản thu khác	3.000.000	17.000.001
Cộng	737.107.401	17.000.001

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	309.352.851	-
Phạt truy thu thuế, hành chính	2.070.000	20.417.136
Cộng	311.422.851	20.417.136

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.677.106.545	4.538.739.587
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	146.070.000	134.417.136
- Các khoản điều chỉnh giảm	146.070.000	134.417.136
Tổng thu nhập tính thuế	1.823.176.545	4.673.156.723
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	364.635.309	934.631.344

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.312.471.236	3.604.108.243
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(826.856.879)	(2.270.588.193)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(826.856.879)	(2.270.588.193)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	485.614.357	1.333.520.050
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	392.060	392.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.239	3.401

(*) Trong năm, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ trích lập theo Nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên ngày 24 tháng 04 năm 2023.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	392.060	392.060
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	392.060	392.060

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.638.071.858	9.805.149.928
Chi phí nhân công	39.686.874.423	43.220.052.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.210.645.795	1.386.789.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.862.017.149	6.650.637.594
Các chi phí khác	4.990.739.494	5.073.689.482
Cộng	60.388.348.719	66.136.318.497

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm không có phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thù lao HĐQT	237.000.000	192.000.000
Tiền lương, phụ cấp	404.432.154	632.182.445
Cộng	641.432.154	824.182.445

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ bao gồm Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Đồng Tháp - Công ty mẹ.

Trong năm Công ty có phát giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức	1.700.778.150	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn nợ phải thu, phải trả với bên liên quan khác.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã kiểm toán.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

TP. Cao Lãnh, ngày 02 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

LẠI THỊ MỸ LINH

Kế toán trưởng

LÊ VĂN LÂM

Tổng Giám đốc



LÊ MINH THUẬN